

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 86/CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570 Fax: 0262 3811766

E-mail: office@trungnguyenlegend.com

Mã số doanh nghiệp: 6000429946

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY NHUYỄN E007

2. Thành phần: Cà phê Robusta (50 %), cà phê hỗn hợp hòa tan (50 %).

Sản phẩm có chứa đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

+ Thùng: 15 kg.

+ Túi sản phẩm (bên trong Thùng): 15 kg.

- Chất liệu bao bì:

+ Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì PE, có chất liệu phù hợp an toàn thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm.

+ Sau đó, cho vào bao bì thùng giấy (có in thông tin ghi nhãn sản phẩm theo quy định).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên – Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn.

Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).✓/



[Handwritten signature]

[Handwritten mark]

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư các Bộ, ngành:

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 và Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. *✓*

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)





TRUNG NGUYỄN LEGEND
100 NĂM NHỮNG NGÀY NÀNG ĐANG - 100 YEARS OF BEAUTY

CÀ PHÊ RANG XAY NHUỖN E007

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 15 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (50 %), cà phê hòa tan hòa tan (50 %).
Sản phẩm có chứa đường.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Không dùng cho người dị ứng với thành phần của sản phẩm.
- Bột cà phê rang xay nhuộm có thể lắng dưới đáy ly và an toàn khi sử dụng.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 2 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Thành phần dinh dưỡng	Giá trị trung bình trong 100 g	% NRV*
Năng lượng	150 Kcal	7 %
Chất đạm	24,5 g	49 %
Carbohydrat	2,8 g	1 %
Chất béo	4,5 g	8 %
Natri	3 mg	0 %

* % Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).

Mã số lô:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:



Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN
Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường
Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766
Website: www.trungnguyenlegend.com
Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN -
NHÀ MÁY Cà PHÊ SÀI GÒN
Lô A, Đường N47, Khu Công Nghiệp
Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố
Hố Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất theo hợp đồng sử dụng tên thương mại
công nghiệp của công ty CP Đoàn tư Trung Nguyên.
XUẤT XỨ: Việt Nam.

Phó Giám Đốc Marketing

Võ Thị Bình



● 1998年10月1日起，凡在境内销售货物或提供应税劳务的纳税人，均须依法缴纳增值税。

CÀ PHÊ RANG XAY NHUỖN E007

Khối lượng tịnh: 15 kg

THANH PHAN¹

Iron (50 %).

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- A strong, well-defined goal is a key to success
- A strong, well-defined goal is a key to success

• Note and print name and number of the library

Journal of Management Education 30(6) November 2006

CHU THIÊN CHẤT LƯỢNG CHU YÊN
• Dao An 4%

• Place honey/coffee	2	2 1/2
----------------------	---	-------

PHÒNG DÂN SĨ DẠNG:
Đang làm người khác cho cả gia đình mà

1939, but no, not to be. The book is...

HÌNH DÀN BẢO GIẢN
 (theo nguyên trong báo Tin và Thời đại mới)

to work with things that they

1
2
3
4
5
6

100

10

100

100

100

100

100

100

100

2000

100

100

1000

100



0429

ÔNG T
CÓ PHẦN
CÁ PHÈ
NG NGU

(HDAK)



TRUNG NGUYỄN LEGEND
TẠI SỞ SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI: CÀ PHÊ ĐÀ LẠT

3

SỐ LỚP CHẤT TỐI ĐA: 3 LỚP

CÀ PHÊ RANG XAY NHUỖN E007

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 15 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (50 %), cà phê hỗn hợp hòa tan (50 %).
Sản phẩm có chứa đậu nành.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Không dùng cho người dị ứng với thành phần của sản phẩm.
- Bọt cà phê rung xay nhuyễn có thể lắng dưới đáy ly và an toàn khi sử dụng.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq 5 \%$
- Hàm lượng caffeine $\geq 2 \%$

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo....

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Thành phần dinh dưỡng	Giá trị trung bình trong 100 g	% NRV*
Năng lượng	150 Kcal	7 %
Chất đạm	24,5 g	49 %
Carbohydrat	2,8 g	1 %
Chất béo	4,5 g	8 %
Natri	3 mg	0 %

*% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766

Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

1, lô A, Đường N47, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đổi tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

Mã số lô:

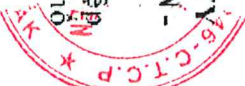
Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

5900104



8 935024 189511





Report N°: 0001426112

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: April 24, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 24/04/2026

JOB NO.: 2603A-01698

Đơn hàng: 2603A-01698

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION
Tên khách hàng
CLIENT'S ADDRESS : 268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE,
Địa chỉ VIETNAM
SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng
Client's reference : CÀ PHÊ RANG XAY NHUYỄN E007
Chú thích của khách hàng MICROGROUND COFFEE E007
Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Sampling date : 09/03/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Coffee (approx. gr. wt. 1.1kg) in the aluminium container
Mô tả mẫu : Cà phê (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm
Sample ID : 2603A-01698.001
Mã số mẫu
Date sample(s) received : March 09, 2026
Ngày nhận mẫu : 09/03/2026
Testing period : March 09, 2026 - April 16, 2026
Thời gian thử nghiệm : 09/03/2026 - 16/04/2026
Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng
Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001426112

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Protein Chất đạm	ISO 1871:2009	24.49 ± 1.21	0.1	g/100g	N x 6.25, Note (##)
2. Total ash Tro tổng	TCVN 5253:1990	6.64 ± 0.40	0.1	g/100g	
3. Moisture (vacuum oven method, 70°C) Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)	ISO 3726:1983	3.14 ± 0.21	0.28	g/100g	
4. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	AOAC 991.43 & AOAC 2020.07 ^(a)	38.9 ± 1.8	-	g/100g	
5. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	61.2 ± 2.6	-	g/100g	Note (5)
6. Available carbohydrate Cacbohydrat hữu hiệu	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	25.1 ± 1.2	-	g/100g	Note (5)
7. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	2.79 ± 0.19	0.18	g/100g	not incl. polyols & note (2), (#)
8. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)	AOAC 991.43	36.2 ± 1.7	0.4	g/100g	Note (F)
9. Energy Năng lượng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	149.8 ± 5.6	-	kcal/100g	Vietnam market
10. Total sugars Đường tổng số	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	_(a)	g/100g	Note (3)
11. Fructose Fructoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
12. Galactose Galactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
13. Glucose Glucoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
14. Lactose Lactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
15. Maltose Maltoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.

Report N°: 0001426112

Page N° 3/5

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	RL	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
16. Sucrose <i>Sucroza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
17. Xylose <i>Xyloza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
18. Rhamnose <i>Rhamnoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
19. Melibiose <i>Melibioza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
20. Isomaltose <i>Isomaltoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
21. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	4.52 ± 0.29	0.1	g/100g	
22. Saturated fat (expressed as saturated fatty acid-SFA) <i>Chất béo bão hòa (được biểu thị dưới dạng axit béo bão hòa-SFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	1.91 ± 0.14	0.1	g/100g	
23. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) <i>Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	g/100g	
24. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	3.3 ± 0.7	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001426112

Page N° 4/5

Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được để cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được để cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- (3) Sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, and Xylose.
(3) Tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, và Xylose.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- Reporting Limit (RL) was required by client.
Giới hạn báo cáo (RL) được yêu cầu bởi khách hàng.
- Total carbohydrate was calculated as sum of available carbohydrate, insoluble dietary fiber IDF and high molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF with assuming that there was no Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF as client confirmed.
Carbohydrate tổng được tính từ tổng số của carbohydrate hữu hiệu với xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử lượng cao HMW SDF với giả định rằng mẫu không có chứa xơ hòa tan phân tử lượng thấp LMW SDF theo xác nhận của khách hàng.
- RL = Reporting Limit. RL is referred to Limit of Quantitation (LOQ or the value higher than the LOQ) when applied to quantitative analytes, estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below RL. For chemical analytes and qualitative microbiological analytes, the value below RL is reported as Not Detected. For quantitative microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
RL = Giới hạn báo cáo. RL ứng với giới hạn định lượng (LOQ hoặc giá trị lớn hơn LOQ) khi áp dụng cho chỉ tiêu định lượng, mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn báo cáo. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học và chỉ tiêu phân tích vi sinh định tính, giá trị chất phân tích nhỏ hơn RL được báo cáo là Không phát hiện. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh định lượng, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/ thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Cần Thơ Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001426112

Page N° 5/5

qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to RL of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte .
_(a) Tham khảo RL của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (5) Total carbohydrate was calculated by subtracting 100% from protein, fat, moisture and ash: $100 - (\text{protein} + \text{fat} + \text{moisture} + \text{ash})$ in g per 100g.
Available carbohydrate was calculated by subtracting 100% from protein, fat, moisture, ash and fiber: $100 - (\text{protein} + \text{fat} + \text{moisture} + \text{ash} + \text{fiber})$ in g per 100g.
- (#) This value was used to calculate the calory.
(#) Giá trị này dùng để tính năng lượng.
- (##) Incl. nitrogen contributed from caffeine as client required.
(##) Bao gồm hàm lượng nitơ đóng góp từ caffeine theo yêu cầu khách hàng.

Comment/Nhận xét:

For carbohydrate, as the coffee contains high amount of polyphenols (with chlorogenic acid in the highest proportion), caffeine, Maillard products,... that are normally not considered during calculation of carbohydrate by difference approach that makes the overestimation of this value, the direct approach for calory calculation is recommended to use to get the accurate results.

Về cacbonhydrat, vì cà phê chứa lượng lớn polyphenols (với chlorogenic acid chiếm tỉ lệ cao nhất), caffeine, các sản phẩm từ phản ứng Maillard... mà thường không được xem xét trong quá trình tính toán carbohydrate theo cách tiếp cận gián tiếp sẽ làm kết quả carbohydrate cao hơn thực tế, cách tiếp cận trực tiếp được khuyến nghị dùng để tính năng lượng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)



Nguyễn Lê Hoàng Anh
Trưởng Bộ phận Thử nghiệm Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001426141

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: April 24, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 24/04/2026

JOB NO.: 2603A-01698

Đơn hàng: 2603A-01698

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

: **TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

: **268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE, VIETNAM**

SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

: **Client**

: Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

: **CÀ PHÊ RANG XAY NHUYỄN E007**

MICROGROUND COFFEE E007

Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY

Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Sampling date

: 09/03/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

: **Coffee (approx. gr. wt. 1.1kg) in the aluminium container**

: Cà phê (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm

Sample ID

Mã số mẫu

: **2603A-01698.001**

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

: March 09, 2026

: 09/03/2026

Testing period

Thời gian thử nghiệm

: March 09, 2026 - April 16, 2026

: 09/03/2026 - 16/04/2026

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement

: Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

: Please refer to the next page(s)

: Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001426141

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance : Dry powder
 Trạng thái : Mẫu dạng bột khô

Color : Characteristic color of product
 Màu : Màu sắc đặc trưng của sản phẩm

Odor : Characteristic odor of product, no strange odor
 Mùi : Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ

Taste : Characteristic taste of product
 Vị : Vị đặc trưng của sản phẩm

Solubility in cold water : Solubility in cold water (in 3 minutes with moderate stirring), there's finely ground coffee powder that settles to the bottom of the cup
 Tan trong nước lạnh : Tan trong nước lạnh (trong 3 phút có khuấy), có bột cà phê xay nhuyễn lắng dưới đáy ly

Solubility in hot water : Solubility in hot water (in 2 minutes with moderate stirring), there's finely ground coffee powder that settles to the bottom of the cup
 Độ tan trong nước nóng : Tan trong nước nóng (trong 2 phút có khuấy), có bột cà phê xay nhuyễn lắng dưới đáy ly

SGS
 TRẦN
 QUAN 3

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	8.5x10 ¹	10	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	10	cfu/g	
3. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31	<10	10	cfu/g	
4. E. coli E. coli	ISO 16649-3:2015 ^(*)	Not Detected Không phát hiện	-	cfu/g	
5. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 15213-2:2023 ^(*)	<10	10	cfu/g	
6. Salmonella spp. Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected Không phát hiện	-	cfu/25g	
7. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	10	cfu/g	
8. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	10	cfu/g	
9. Soybean (soy) content Hàm lượng đậu nành	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(*)	Not Detected Không phát hiện	6.4	mg/kg	
10. Soybean (soy) protein content Hàm lượng protein đậu nành	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(*)	Not Detected Không phát hiện	2.5	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001426141

Page N° 3/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	RL	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
11. GMO detection: P35S Phát hiện GMO: P35S	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	0.01	g/100g	
12. GMO detection: T-nos Phát hiện GMO: T-nos	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	0.01	g/100g	
13. GMO detection: P-FMV Phát hiện GMO: P-FMV	ISO/TS 21569-5:2016 (Real-time PCR) ^(a)	Not Detected Không phát hiện	0.01	g/100g	
14. Total ash Tro tổng	TCVN 5253:1990	6.64 ± 0.40	0.1	g/100g	
15. Moisture (vacuum oven method, 70°C) Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)	ISO 3726:1983	3.14 ± 0.21	0.28	g/100g	
16. Total glucose (on dried basis) Tổng glucose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.683 ± 0.058	0.1	g/100g	
17. Total xylose (on dried basis) Tổng xylose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.193 ± 0.020	0.1	g/100g	
18. Acid insoluble ash Tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	Not Detected Không phát hiện	0.1	g/100g	
19. pH value (1.2% solution) Giá trị pH (dung dịch 1.2%)	DIN 10776-2:2016-07	5.43	-	-	
20. Caffeine Cafein	ISO 20481:2008	3.0	0.001	g/100g	
21. Ochratoxin A Ochratoxin A	LFOD-TST-SOP-8434	Not Detected Không phát hiện	1	µg/kg	Ref. EN 17250:20 20
22. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	_(a)	µg/kg	Ref. ISO 16050:20 03
23. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	Ref. ISO 16050:20 03
24. Aflatoxin B2 Aflatoxin B2	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	Ref. ISO 16050:20 03
25. Aflatoxin G1 Aflatoxin G1	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	Ref. ISO 16050:20 03
26. Aflatoxin G2 Aflatoxin G2	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected Không phát hiện	0.3	µg/kg	Ref. ISO 16050:20 03
27. Acrylamide Acrylamide	ISO 18862:2016	362 ± 47	60	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	RL	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
28. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	0.014	0.01	mg/kg	
29. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	mg/kg	
30. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	0.010	0.01	mg/kg	
31. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	mg/kg	
32. Tin (Sn) <i>Thiếc</i>	AOAC 2015.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.05	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- Reporting Limit (RL) was required by client.
Giới hạn báo cáo (RL) được yêu cầu bởi khách hàng.
- RL = Reporting Limit. RL is referred to Limit of Quantitation (LOQ or the value higher than the LOQ) when applied to quantitative analytes, estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below RL. For chemical analytes and qualitative microbiological analytes, the value below RL is reported as Not Detected. For quantitative microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
- RL = Giới hạn báo cáo. RL ứng với giới hạn định lượng (LOQ hoặc giá trị lớn hơn LOQ) khi áp dụng cho chỉ tiêu định lượng, mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn báo cáo. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học và chỉ tiêu phân tích vi sinh định tính, giá trị chất phân tích nhỏ hơn RL được báo cáo là Không phát hiện. Đối với chỉ

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001426141

Page N° 5/5

tiêu phân tích vi sinh định lượng, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to RL of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte .

_(a) Tham khảo RL của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Protein content = food content x conversion factor, where the conversion factors were: 0.23 (almond), 0.11 (buckwheat), 0.18 (cashew), 0.033 (coconut), 0.17 (crustacean), 0.48 (egg), 0.16 (fish), 0.15 (hazelnut), 0.36 (lupin), 0.13 (macadamia), 0.42 (mustard), 0.22 (peanut), 0.2 (pistachio), 0.21 (sesame), 0.39 (soybean), and 0.15 (walnut).
Wheat protein content = gluten content x (1/0.85)

Hàm lượng protein = hàm lượng thực phẩm x hệ số chuyển đổi, trong đó hệ số chuyển đổi là: 0.23 (hạnh nhân), 0.11 (kiểu mạch), 0.18 (hạt điều), 0.033 (dừa), 0.17 (giáp xác), 0.48 (trứng), 0.16 (cá), 0.15 (hạt phỉ), 0.36 (lupin), 0.13 (hạt mắc ca), 0.42 (mù tạt), 0.22 (đậu phộng), 0.2 (hạt óc chó), 0.21 (hạt mè), 0.39 (đậu nành), và 0.15 (hạt óc chó).

Hàm lượng protein lúa mì = hàm lượng gluten x (1/0.85)

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH

SGS VIETNAM
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Hoàng Anh
Trưởng Bộ phận Thử nghiệm Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

WON: FST260306018-4
Date/ Ngày: 06-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION
268 Nguyen Tat Thanh Street, Tan Lap Ward, Daklak Province, Vietnam.
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN
Số 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
Manufactured by/Nhà máy sản xuất:
BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp) : CÀ PHÊ HẠT RANG/ ROASTED COFFEE BEAN
Sample description (Mô tả mẫu) : NSX/MFD: 03.03.2026
Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa
Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : Sample was submitted by client/
Date of testing (Ngày thử nghiệm) : Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 03-Mar-2026
Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 04-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Cyproconazole	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.01	FST- WI06 chapter 40 (2025) (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662:2018) (GC-MS/MS)

Note/ Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ Giám đốc



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025